

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 10-5-2024

“V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Liêm.
- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2023/TLST-DS ngày 27/12/2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-DS ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N); Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của H kinh doanh Hoàng H1: Anh Trần Duy P, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số I, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ tạm trú: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/9/2023). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979; (Đã chết)
- Bà Võ Thị L, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

1.1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

1.2. Chị Nguyễn Thị Trúc P1, sinh năm 2001; (Vắng mặt)

1.3. Anh Nguyễn Trọng H2, sinh năm 2005; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) là anh Trần Duy P trình bày:

Nguyên vào năm 2019 đến năm 2021, gia đình ông Nguyễn Hữu T, bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 có mua các vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...) tại Cửa hàng V do chị Nguyễn Thị N làm chủ. Việc mua bán được gói đầu, gia đình ông T, bà L, chị P1 và anh H2 đến mua vật tư nông nghiệp về làm vườn, sau khi mùa vụ kết thúc thì gia đình ông T, bà L, chị P1 và anh H2 sẽ đến cửa hàng để thanh toán số tiền còn nợ. Khi giao hàng cho gia đình ông T, bà L, chị P1 và anh H2 thì cửa hàng có ghi vào quyền sở theo dõi số tiền còn nợ, số tiền gia đình ông T, bà L, chị P1 và anh H2 đã thanh toán. Tuy nhiên, gia đình ông T, bà L, chị P1 và anh H2 đã kết thúc mùa vụ của lần mua cuối nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ lại của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Hoàng H1 là 252.039.000 đồng. Mặc dù, Cửa hàng vật tư nông nghiệp Hoàng H1 đã nhiều lần liên hệ, đề nghị gia đình ông T, bà L, chị P1 và anh H2 thanh toán số tiền còn nợ nhưng gia đình ông T, bà L, chị P1 và anh H2 hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn chưa thanh toán xong. Tuy nhiên, đến ngày 12/4/2024, gia đình bà L, chị P1 và anh H2 đến Cửa hàng V trả số tiền 50.000.000 đồng.

Nay Hộ kinh doanh H (Nguyễn Thị N) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) $\frac{1}{2}$ số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 126.019.000 đồng tính từ ngày 16/10/2021 đến ngày 12/4/2024, lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền tạm tính là 31.239.000 đồng; Buộc bà L trả số tiền $\frac{1}{2}$ nợ gốc mua bán vật tư nông nghiệp còn lại là 106.019.000 đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 13/4/2024 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án.

+ Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu T gồm bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 cùng có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) $\frac{1}{2}$ số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 126.019.000 đồng tính từ ngày 16/10/2021 đến ngày 12/4/2024, lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền tạm tính là 31.239.000 đồng; Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm bà L, chị P1 và anh H2 cùng có nghĩa vụ trả số tiền $\frac{1}{2}$ nợ gốc mua bán vật tư nông nghiệp còn lại là 106.019.000 đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 13/4/2024 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2024, bị đơn Võ Thị L trình bày: Trước đây vào khoảng năm 2019 đến năm 2021, gia đình bà L có mua vật tư nông nghiệp của Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) để sử dụng, canh tác cho vườn cam mà cha ruột bà L là ông Võ Văn B cho vợ chồng bà L mượn đất để canh tác (chồng bà L là ông Nguyễn Hữu T), đất ở bên phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Việc mua bán các bên có làm quyền sở theo dõi, khi giao nhận hàng thì có ghi lại, ký tên xác nhận. Do đất bên cha bà L nên khi giao hàng cha bà L có ký nhận một lần. Bà L thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của Hộ kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) là 252.039.000 đồng và bà L đồng ý trả. Trong quyền sở theo dõi việc mua bán thì bà L có ký tên xác nhận số tiền còn nợ 01 lần, còn lại thì chồng bà L là ông T ký xác nhận nợ.

- Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu T gồm bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2: Bà L, chị P1 và anh H2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có người đại diện tham gia phiên họp và phiên tòa. Đồng thời, bà L, chị P1 và anh H2 cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và các bị đơn Lê Thị Bé H3, Kha Thị Minh N1 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn Võ Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu T gồm bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 trong quá trình giải quyết vụ án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) là anh Trần Duy P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Võ Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Hữu T gồm bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để

tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, sau khi Toà án thụ lý vụ án và trong quá trình giải vụ án đương sự có cung cấp thông tin bị đơn Nguyễn Hữu T đã chết, nên Toà án đã có văn bản yêu cầu bà L (vợ ông T) cung cấp giấy chứng tử cho Toà án, nhưng bà L không thực hiện. Đồng thời, Toà án cũng có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L cung cấp thông tin và giấy chứng tử của ông T (nếu có), nhưng vẫn không nhận được văn bản phản hồi. Đến ngày 17/4/2024, Toà án tiến hành xác minh thông tin tại Ban nhân dân ấp A, xã Đ, thì được biết ông T bị tai nạn giao thông và đã chết vào năm 2023, nhưng đến nay gia đình ông T vẫn chưa đi đăng ký khai tử, do nhà của bà L, ông T giáp ranh với Ban N2 nên biết được thông tin này. Do đó, Toà án thụ lý thêm quan hệ pháp luật “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét thấy, Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) $\frac{1}{2}$ số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 126.019.000 đồng tính từ ngày 16/10/2021 (ngày thanh toán lần sau cùng) đến ngày 12/4/2024 (ngày gia đình bà L trả số tiền 50.000.000 đồng) là 30,3 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 31.692.518 đồng và trả số tiền $\frac{1}{2}$ nợ gốc mua bán vật tư nông nghiệp còn lại là 106.019.000 đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 13/4/2024 (ngày tiếp theo ngày mà gia đình bà L trả số tiền 50.000.000 đồng) đến ngày 10/5/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 0,93 tháng, với số tiền là 818.360 đồng, tổng cộng các khoản là 138.529.878 đồng. Và yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm bà L, chị P1 và anh H2 cùng có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) $\frac{1}{2}$ số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 126.019.000 đồng tính từ ngày 16/10/2021 đến ngày 12/4/2024, lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 31.692.518 đồng và yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm bà L, chị P1 và anh H2 cùng có nghĩa vụ trả số tiền $\frac{1}{2}$ nợ gốc mua bán vật tư nông nghiệp còn lại là 106.019.000 đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 13/4/2024 đến ngày 10/5/2024 là 0,93 tháng, với số tiền là 818.360 đồng, tổng cộng các khoản là 138.529.878 đồng.

[3.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) cung cấp bản chính Sổ theo dõi, ghi lại cụ thể các lần mua bán và có chữ ký tên, ghi họ tên xác nhận số tiền còn nợ lại của ông T và bà L.

[3.3] Hơn nữa, tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 17/01/2024, bà L thừa nhận gia đình bà L có mua vật tư nông nghiệp của Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) để sử dụng, canh tác cho vườn cam mà cha ruột bà L là ông Võ Văn B cho vợ chồng bà L mượn đất để canh tác, đất ở bên phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Việc mua bán các bên có làm quyền sổ theo dõi, khi giao

nhận hàng thì có ghi lại, ký tên xác nhận. Do đất bên cha bà L nên khi giao hàng cha bà L có ký nhận một lần. Bà L thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) là 252.039.000 đồng và bà L đồng ý trả. Trong quyển sổ theo dõi việc mua bán thì bà L có ký tên xác nhận số tiền còn nợ 01 lần, còn lại thì chồng bà L là ông T ký xác nhận nợ.

[3.4] Tại Bản tự khai ngày 22/4/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) là anh Trần Duy P trình bày ngày 12/4/2024, gia đình bà L, chị P và anh H2 đến Cửa hàng V trả số tiền 50.000.000 đồng.

[3.5] Như vậy, đây được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 và được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.6] Xét thấy, việc mua bán giữa nguyên đơn Hộ kinh doanh H (Nguyễn Thị N) với các bị đơn Võ Thị L và Nguyễn Hữu T theo hình thức gói đầu, thanh toán theo từng đợt sau khi mùa vụ kết thúc và không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự thì: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Do đó, việc nguyên đơn Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả như đã nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.7] Qua phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) được chấp nhận toàn bộ và bị đơn Võ Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Hữu T gồm bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà L, chị P1 và anh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) là anh Trần Duy P và bị đơn Võ Thị L, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Hữu T gồm bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 đều vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 429, 430, 440, 468 và 615 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của H kinh doanh H (Nguyễn Thị N).

2. Buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) số tiền 138.529.878 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng).

3. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu T gồm bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Hữu T trả cho H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) số tiền 138.529.878 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng) trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Hữu T để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Bà Võ Thị L phải chịu số tiền 6.926.400 đồng (Sáu triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 phải chịu số tiền 6.926.400 đồng (Sáu triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N) số tiền 7.608.400 đồng (Bảy triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm đồng) mà H kinh doanh Hoàng H1

(Nguyễn Thị N) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0003474, ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Hộ kinh doanh H4 (Nguyễn Thị N), bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Trúc P1 và anh Nguyễn Trọng H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Nhân